

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày: 19 – 3 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 25/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 07/3/2024 đối với:

- Bị cáo: Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1979, tại Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn L1, sinh năm: 1928 (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm: 1935; chồng: Trần Văn T1, sinh năm: 1964 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm: 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/3/2024, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Văn B, sinh năm: 1986 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Thị Diễm T2, sinh năm: 2001 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Hoài T3, sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Dương Thị Hoàng Y, sinh năm: 2004 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/9/2023, Lê Thị Hồng L trên đường đi chợ tại ấp X, xã L thì phát hiện cái bóp da màu nâu của chị Phan Thị Diễm T2 đánh rơi ven đường nên nhặt bóp lên xem thì thấy bên trong có số tiền 1.000.000 đồng cùng các giấy tờ tùy thân của chị T2 và 03 giấy biên nhận cầm vàng tại tiệm V ghi tên người cầm cố tài sản là chị T2, gồm: Biên nhận số 53090342 tài sản cầm là 07 chiếc vòng, trọng lượng 3,8 chỉ, loại vàng 18 kara, số tiền cầm là 2.000.000 đồng; biên nhận số 53090343 tài sản cầm là 01 chiếc nhẫn, trọng lượng 0,75 chỉ, loại vàng 18 kara, số tiền cầm là 2.000.000 đồng và biên nhận số 53090344 tài sản cầm là 01 dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn, trọng lượng 2,1 chỉ, loại vàng 18 kara, số tiền cầm là 5.000.000 đồng. Lúc này, L lấy số tiền 1.000.000 đồng và 03 giấy cầm vàng trên cất vào túi áo còn cái bóp và giấy tờ tùy thân bỏ lại chỗ cũ. Do có ý định chiếm đoạt số vàng ghi trong biên nhận cầm vàng nên đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L giả vờ là chị T2 đến tiệm V thuộc ấp M, xã L, huyện C gặp anh Lê Văn B đưa 03 biên nhận cầm vàng và yêu cầu anh B cho chuộc lại số vàng trên thì anh B đồng ý với số tiền chuộc là 10.100.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, L đem tất cả số vàng chiếm đoạt được đến tiệm V1 ở ấp E, xã L, huyện C bán cho chị Dương Thị Hoàng Y được số tiền 23.058.000 đồng. Riêng chị T2 sau khi tìm thấy cái bóp phát hiện đã bị mất số tiền 1.000.000 đồng cùng 03 giấy cầm vàng nên đến tiệm V hỏi thì biết đã có người khác đến chuộc nên trình báo công an. Qua điều tra, xác minh công an mời L về làm việc, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện đến tiệm V1 chuộc lại số vàng đã bán giao nộp cho công an tạm giữ.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTX ngày 02/11/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Long An, kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn có hột đá hình trái tim, trọng lượng

vàng là 07 phân 05 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) chiếc nhẫn, trọng lượng vàng là 07 phân 01 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) sợi dây chuyền trọng lượng 01 chỉ 01 phân, loại vàng 18 kara; 01 (một) mặt dây chuyền, có hình tròn, trọng lượng 03 phân, loại vàng 18 kara; 07 (bảy) chiếc vòng, trọng lượng 04 chỉ 01 phân 07 ly, loại vàng 18 kara. Có tổng giá trị là 23.773.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo thừa nhận lời khai của mình tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, bị cáo không bị bức cung hay bị dùng nhục hình để khai trái với ý chí của mình. Diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung Cáo trạng nêu. Bị cáo đồng ý với Kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt.

- Chủ tọa công bố lời khai của bị hại là Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Phan Thị Diễm T2, Nguyễn Hoài T3, Dương Thị Hoàng Y vắng mặt tại phiên tòa: Bị cáo thống nhất với những lời khai được công bố, không có ý kiến gì khác.

- Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKSCĐ ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức truy tố bị cáo Lê Thị Hồng L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Thị Hồng L đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hồng L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C có tạm giữ: 03 (ba) giấy biên nhận cầm vàng số 53090342, 53090343, 53090344 của tiệm V do Lê Văn B giao nộp; 01 (một) chiếc nhẫn có hạt đá hình trái tim, trọng lượng vàng là 07 phân 05 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) chiếc nhẫn, trọng lượng vàng là 07 phân 01 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) sợi dây chuyền trọng lượng 01 chỉ 01 phân, loại vàng 18 kara; 01 (một) mặt dây chuyền, có hình tròn, trọng lượng 03 phân, loại vàng 18 kara; 07 (bảy) chiếc vòng, trọng lượng 04 chỉ 01 phân 07 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo

biên số 63B1-5509; số tiền 1.000.000 đồng do Lê Thị Hồng L giao nộp; số tiền 10.100.000 đồng do chị Phan Thị Diễm T2 giao nộp. Ngày 10/11/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cùng số tiền 10.100.000 đồng cho bị can Lê Thị Hồng L và trả các tài sản còn lại cho chị T2.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người liên quan đã nhận lại tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Ý kiến của bị cáo đối với luận tội của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy ăn năn hối cải. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định, bản ảnh tang vật, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập trong tố tụng hình sự, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/9/2023, Lê Thị Hồng L sau khi nhặt được 03 giấy cầm vàng của chị Phan Thị Diễm T2 tại tiệm V ở ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc này, L nảy sinh ý định chiếm đoạt số vàng trên, nên khoảng 14 giờ cùng ngày, L đem theo 03 giấy biên nhận cầm vàng đến gặp anh Lê Văn B và tự nhận mình là chủ của số vàng ghi trong biên nhận, L dùng số tiền 10.100.000 đồng để chuộc và chiếm đoạt số vàng trong 03 giấy biên nhận với tổng trị giá vàng là 23.773.000 đồng. Sau đó, L đem số vàng trên đến tiệm V1 bán lại số vàng trên với số tiền 23.058.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Hồng L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[2.2] Tại Điều 174 (Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản) Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....”

[2.3] Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thị Hồng L đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Hồng L thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về hình phạt:

[5.1] Xét về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo Lê Thị Hồng L là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo nhận biết tài sản hợp pháp của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ. Việc bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được phân tích ở mục [4]; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được phân tích ở mục [3]. Bên cạnh đó, bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường tốt để bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[5.2] Xét về hình phạt bổ sung: Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện

nay bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C có tạm giữ: 01 (một) chiếc nhẫn có hột đá hình trái tim, trọng lượng vàng là 07 phân 05 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) chiếc nhẫn, trọng lượng vàng là 07 phân 01 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) sợi dây chuyền trọng lượng 01 chỉ 01 phân, loại vàng 18 kara; 01 (một) mặt dây chuyền, có hình tròn, trọng lượng 03 phân, loại vàng 18 kara; 07 (bảy) chiếc vòng, trọng lượng 04 chỉ 01 phân 07 ly, loại vàng 18 kara; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo biển số 63B1-5509; số tiền 1.000.000 đồng do Lê Thị Hồng L giao nộp; số tiền 10.100.000 đồng do chị Phan Thị Diễm T2 giao nộp. Ngày 10/11/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cùng số tiền 10.100.000 đồng cho bị can Lê Thị Hồng L và trả các tài sản còn lại cho chị T2 là đúng quy định. Đối với 03 (ba) giấy biên nhận cầm vàng số 53090342, 53090343, 53090344 của tiệm V do Lê Văn B giao nộp. Xét đây là tài liệu chứng cứ có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị quy đổi bằng tiền nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hồng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (19/3/2024).

Giao bị cáo Lê Thị Hồng L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo Lê Thị Hồng L) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo Lê Thị Hồng L) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Lê Thị Hồng L.

[4] Về xử lý vật chứng: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án đối với 03 (ba) giấy biên nhận cầm vàng số 53090342, 53090343, 53090344.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Hồng L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan (nếu có);
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Cần Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THA Hình sự;
- Cơ quan THA dân sự huyện Cần Đức;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Hữu Lộc